

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày 18/8/2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tân Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Định và bà Nguyễn Thị Tin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 74/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc: Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên Đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn N huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Bị Đơn: Anh Ong Thế H, sinh năm 1981; (vắng mặt)

Nơi ĐKKH: Thôn P, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Tổ dân phố A, thị trấn N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Ong Thế H từ ngày 16/02/2016, trước khi cưới hai bên có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ở tại UBND xã Y, huyện Yên Dũng, sau khi cưới vợ chồng về chung sống cùng gia đình khoảng 4 tháng, sau đó chuyển về Tổ dân phố A, thị trấn N, sống cho đến nay, vợ chồng sống hòa thuận đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng do không hợp tính cách, vì vậy trong sinh hoạt cuộc sống thường ngày vợ chồng

không thông nhất được với nhau, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng chị và gia đình hai bên đã nhiều lần hoà giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vợ chồng cũng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng từ đó dẫn đến sa sút về kinh tế. Chị và anh H cũng đã nhiều lần ngồi lại để vợ chồng tháo gỡ mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, bởi vậy chị xác định không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh H được nữa và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ông Thế H.

- Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Ông Thị Thanh Tr, sinh ngày 17/3/2017, kể từ khi ly thân cháu sống cùng anh, chị, nay ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, về vay nợ, ruộng nông nghiệp và công sức: không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị Nguyễn Thị T không có yêu cầu đề nghị nào khác.

** Tại các lời khai bị đơn anh Ông Thế H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị T từ ngày 16/02/2016, trước khi cưới hai bên có được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ở tại UBND xã Y, huyện Yên Dũng, sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh thời gian gần, sau chuyển về sống ở Tổ dân phố A, thị trấn N cho đến nay, vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 12/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nết với nhau, chị T cũng không hợp tính mẹ anh cho nên chị T hay cãi nhau với mẹ anh, nhiều lần còn nói láo với mẹ anh, anh khuyên bảo nhiều nhưng chị T không nghe, chính vì vậy dẫn đến vợ chồng luôn xảy ra cãi nhau, vợ chồng cũng đã tự hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không hòa thuận được, cho nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2019 đến nay.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng tuy có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng vẫn có thể hàn gắn được để về ở với nhau, chính vì vậy anh không đồng ý ly hôn, anh đề nghị chị T suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ.

- Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Ông Thị Thanh Tr, sinh ngày 17/3/2017, hiện nay các con tôi rất khỏe mạnh, phát triển tốt, nếu phải ly hôn anh đề nghị được nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, về vay nợ, ruộng nông nghiệp và công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp

luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại các điều 70 và điều 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 150, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Ong Thế H.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trực tiếp con Ong Thị Thanh Tr, sinh ngày 17/3/2017.

Về cấp dưỡng nuôi: Do các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản, vay nợ và ruộng đất, công sức: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 28 tháng 4 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng tiến hành thụ lý vụ án. Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị T và anh Ong Thế H đã đến Tòa án làm việc và thực hiện viết bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ cho các bên đương sự, tuy nhiên tại phiên tòa ngày 06 tháng 8 năm 2020, anh H vắng mặt không có lý do, do vậy Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và tổng đạt hợp lệ, xong tại phiên tòa anh H không có mặt và không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Ong Thế H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Dũng vào ngày 16/02/2016 đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo luật định. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn từ khoảng năm 2019 đến nay, nguyên nhân chị T cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt thường ngày cũng như trong làm ăn kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi nhau dẫn đến mất niềm tin ở nhau, kinh tế vợ chồng sa sút, mâu thuẫn kéo dài không được cải thiện, hai bên gia đình cũng như vợ chồng cũng đã hàn gắn, hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả, anh H cho rằng vợ chồng không hợp nhau dẫn đến xảy ra cãi nhau, một phần cũng do chị T không hợp tính mẹ anh cho nên chị T

hay cãi nhau với mẹ anh, nhiều lần còn nói láo với mẹ anh, anh khuyên bảo nhiều nhưng chị T không nghe, điều đó thể hiện vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay. Chị T cũng như anh H xác nhận vợ chồng cũng như gia đình hai bên đã hoà giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng đều không có kết quả.

Hội đồng xét xử thấy: Thực tế vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay, phía chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy gay gắt, trầm trọng không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng, do vậy chị không còn một chút tình cảm vợ chồng với anh H. Bản thân anh H xác nhận vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn nhưng anh H cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng vẫn còn có thể hàn gắn được vì bản thân anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị T do vậy anh không đồng ý ly hôn và mong muốn chị T quay về sống đoàn tụ. Quá trình làm việc tại Toà án, ngoài phương pháp tự hoà giải cũng như đề nghị Toà án hoà giải nhiều lần, anh H không đưa ra được phương pháp nào khác để tháo gỡ mâu thuẫn vợ chồng. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Ông Thế H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng cũng không thể có hạnh phúc. Xét yêu cầu của chị T là phù hợp với thực tế cuộc sống chung của vợ chồng, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do vậy, cần xử cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T, anh H xác nhận vợ chồng có một con là Ông Thị Thanh Tr, sinh ngày 17/3/2017. Hiện cháu đang sống cùng anh, chị. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T, anh H đều có nguyện vọng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy: Về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con thì anh, chị đều có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con, tuy nhiên thực tế chị T làm may mặc tại nhà và có thu nhập ổn định, hiện nay cháu Ông Thị Thanh Tr còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ hơn, do vậy để có điều kiện nuôi dưỡng con phát triển tốt nhất cả về thể chất lẫn tinh thần thấy cần thiết giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ông Thị Thanh Tr là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị T và anh Ông Thế H không đặt thành yêu cầu, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, vay nợ và ruộng đất, công sức: Các bên đương sự không đặt thành yêu cầu, do vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố

tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Ông Thế H.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi cháu Ông Thị Thanh Tr, sinh ngày 17/3/2017.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ và ruộng đất, công sức: Các bên đương sự không đặt thành yêu cầu, do vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, (Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0004216 ngày 28/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng).

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND thị trấn N;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Tân Thịnh

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND thị trấn Nham Biền;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Vũ Tân Thịnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Văn Định – Nguyễn Thị Tin

Vũ Tân Thịnh

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND TT Nham Biền, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Vũ Tân Thịnh

